TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Hoàng Sơn.

- Bà Phạm Thị Thùy Dung.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2022/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống hai người hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T hay đánh bạc, chơi bời, đánh đập chị T, bên cạnh đó tính cách, lối sống của hai

người không phù hợp với nhau, mặc dù đã cố gắng hòa giải để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay không còn tình cảm vợ chồng nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Thắng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 23/5/2007, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/6/2013. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống hai người hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa hai người chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn. Không có sự việc anh T đánh đập mà chỉ là xô xát giữa vợ chồng. Còn về bài bạc trước đây anh T có chơi, 4 năm gần đây ít chơi hơn, vào tháng 8/2022 anh T có ham vui nên có tham gia đánh bạc và bị Tòa án tuyên phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ. Hiện nay, chị T xin ly hôn do vẫn còn tình cảm vợ chồng nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh T có 02 con chung: cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 23/5/2007, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/6/2013. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T; cần cho chị T được ly hôn với anh T; về nuôi con

chung: Cần giao cháu Phương A cho anh T, giao cháu Như Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Hiao, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184, ngày 31/10/2006. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không có quan điểm chung về lối sống nên xảy ra mâu thuẫn; hiện nay anh chị đã sống ly thân. Nay nhận thấy anh chị không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại vì vậy, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người cần cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống chị T và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 23/5/2007 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/6/2013. Nay ly hôn anh T và chị T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Hiện nay, anh T và chị T đều làm nông, chị T còn làm thêm đóng gói hạt, hai người đều có thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con. Bên cạnh đó, cháu Q có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Phương A có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của các cháu cần giao cháu Phương A cho anh T, giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 23/5/2007 cho anh Nguyễn Văn T, giao cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 25/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2021/0010847, ngày 24/11/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
-UBND xã Ea Hiao (Số GCNKH 184, ngày 31/10/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa